

Bản án số 157/2019/HS-PT  
Ngày 09 - 10 - 2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.  
Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Sơn  
Ông Hoàng Ngọc Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc M - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 212/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn M bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản”. Do có kháng cáo của người bị hại bà Trần Thị L đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo không có kháng cáo: **Phạm Văn M**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1984 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Xóm 13, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Phạm Văn C; Họ tên mẹ: Phạm Thị T (đã chết); Vợ (đã chết); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị L, sinh năm 1948; địa chỉ tạm trú: Xóm 13, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Phòng 321, Chung cư T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 07 tháng 3 năm 2019, Phạm Văn M mang theo một thanh kiếm và một bộ tóc giả đi bộ từ nhà ở của mình đến nhà bà Trần Thị L tại Xóm 13, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An với mục đích dọa bà L do trước đó M có mâu thuẫn với bà L khi xây dựng nhà cho bà L năm 2018. Đến nơi, M không thấy bà L ở nhà, cửa nhà khóa, M lấy bộ tóc giả đội lên đầu che gần hết mặt đi vào sân, lấy một que chống bat đập bẻ một bóng đèn trước sân nhà bà L, sau đó, M nấp cạnh tường chờ bà L về. Đến khoảng 19 giờ thì bà L về, đang chuẩn bị mở cửa để vào nhà thì M nhảy ra dùng tay trái cầm tay bà L, tay phải cầm kiếm đưa lên trước mặt bà L và nói: “Đưa tiền đây”, bà L nói: “Con đừng làm vậy, tiền để cô đưa”, bà L lấy trong người ra một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa cho M. Sau khi lấy tiền xong, M tiếp tục lục soát người bà L để tìm tài sản, khi thấy bà L đang cầm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobel M389 trên tay thì M dùng tay giật lấy chiếc điện thoại cất vào người và yêu cầu bà L mở cửa để vào nhà lấy tài sản nhưng bà L không mở nên M dùng tay giật chìa khóa của bà L và đâm liên tục bốn đến năm cái vào mặt bà L. Do bị tấn công, bà L nói với M: “Con đừng làm vậy, đừng động vào người cô, cô là người xuất gia, đụng vào là ôm nghiệp nặng...” thì M dừng lại, không làm gì nữa và bỏ về nhà. Sau khi về nhà, lo sợ bị phát hiện nên M đã lấy xe máy mang bộ tóc giả cùng thanh kiếm đi theo đường Quốc lộ 46 xuống khu vực đường bê tông thuộc Xóm 6, xã N2, huyện N, tỉnh Nghệ An vứt bộ tóc giả cùng thanh kiếm. Chiếc điện thoại cướp được, M tháo sim và lắp sim khác vào sử dụng, số tiền 200.000 đồng, M đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 13 tháng 3 năm 2019, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên M đã đến Công an huyện Nghi Lộc để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL.ĐG ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An kết luận: “Tài sản bị chiếm đoạt một chiếc điện thoại Mobel M389 có giá trị 100.000 đồng”.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Cướp tài sản”; xử phạt bị cáo Phạm Văn M 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 13 tháng 3 năm 2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 8 năm 2019, người bị hại bà Trần Thị L kháng cáo bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn M; Hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án vì theo bà ngoài bị cáo M còn có người khác chủ mưu, xúi giục, kích động M phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Phạm Văn M, xử phạt bị cáo M 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn M có ý kiến: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn M thấy rằng: Chiều tối ngày 07 tháng 3 năm 2019, Phạm Văn M đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản là số tiền 200.000 đồng và chiếc điện thoại có giá trị 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bà L là 300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm tổn hại tinh thần người bị hại, gây mất trật tự trị an, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân tại địa phương. Bị cáo dùng hung khí là một chiếc kiếm để đe dọa người bị hại và có sử dụng một bộ tóc giả để cải trang nên phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng vũ khí, phương tiện và thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét các chứng cứ, tình tiết của vụ án; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; căn cứ các quy định của pháp luật để xét xử bị cáo theo điều khoản và tội danh như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; sau khi xét xử, bị cáo không kháng cáo. Người bị hại bà Trần Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp

dụng và xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo M có hoàn cảnh éo le, là lao động chính trong gia đình, vợ đã mất và có hai con còn nhỏ (sinh năm 2014 và năm 2015) nên cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Văn M.

Bà L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì cho rằng có dấu hiệu âm mưu giết bà L không thành. Căn cứ kết quả điều tra và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và người bị hại chỉ kết luận được bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Cướp tài sản”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng thừa nhận bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng.

Bà L còn kháng cáo cho rằng có đồng phạm trong vụ án chưa được điều tra xem xét. Xét thấy, quá trình điều tra, ban đầu bị cáo Phạm Văn M có khai M phạm tội do Phạm Công T là người chủ mưu nhưng sau đó bị cáo M lại khai hành vi phạm tội do tự mình thực hiện. Kết quả điều tra cũng xác định tại thời điểm xảy ra vụ án, Phạm Công T không có mặt tại hiện trường, không thuê hay xúi giục M và cũng không liên lạc gì với M.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà L có giao nộp 01 chiếc USB, theo lời khai của bà thì đây là lời khai của bị cáo M thừa nhận việc có người xúi giục phạm tội. Xét thấy, nội dung thể hiện trong USB không có căn cứ để xác định có đồng phạm với M về tội “Cướp tài sản” vì bản ghi âm này bà L thực hiện khi cơ quan điều tra mới bắt đầu làm việc với M. Tại cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo M khai Phạm Công T là người xúi giục vì bà L có hứa nếu khai như thế sẽ cho M số tiền 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và tha thứ cho M nên M đã khai không đúng sự thật. Sau đó, bị cáo M thay đổi lời khai, thừa nhận chỉ một mình M thực hiện hành vi cướp tài sản của bà L, không có đồng phạm nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, M cũng khẳng định chỉ một mình bị cáo phạm tội, không có đồng phạm nào khác. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà L đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Bà L còn cho rằng khi làm nhà vào năm 2018, có một số thợ xây dựng có âm mưu hãm hại, muốn giết bà nên đã xây dựng tường, xây cột không bảo đảm vữa bê tông, có thể làm nhà bị sập. Vấn đề này, bà L có quyền tố cáo, cung cấp thông tin về tội phạm cho Công an và Viện kiểm sát và bà có quyền nộp kèm theo các tài liệu, chứng cứ (nếu có) để cơ quan pháp luật xử lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại bà Trần Thị L, giảm hình phạt cho bị cáo Phạm Văn M; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn M 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13 tháng 3 năm 2019).

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị L không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nghi Lộc;
- VKSND, CA huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND xã N1;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đăng Phồn**